

Số : 03/2018/NTW-CBTT

Nhon Trach, Ngày 05 tháng 04 năm 2018

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 03/2018

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 24 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 24 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước	12	12	12	0	12	0	0
Cộng		12	12	12	0	12	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- **Kết luận:** Chất lượng nước tại nhà máy, trạm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

Trân trọng.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vo Quang Hong
Võ Quang Hồng

Số: 512/KAXIV



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00512.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/03/2018
Ngày trả kết quả : 16/03/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,74	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,68 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	25,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	4,66 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	128,21 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện.	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,35 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiên



Trần Minh Khoa

Số: 513/KAXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00513.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/03/2018
Ngày trả kết quả : 16/03/2018
Địa điểm lấy mẫu : Số nhà 68 - Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,37	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,58 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	25,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	4,56 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	127,68 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện.	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Phạm Minh Tiến

Số: 514/KQXIV



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00514.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 02/03/2018
Ngày trả kết quả : 16/03/2018
Địa điểm lấy mẫu : Bru điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,21	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,63 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	22,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	4,98 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	126,12 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện.	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Phạm Minh Tiến

Số: 636/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00636.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 14/03/2018
Ngày trả kết quả : 28/03/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,86	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,54 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	24,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,59 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	111,26 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	16,75 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 637/KQXIV



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00637.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 14/03/2018
Ngày trả kết quả : 28/03/2018
Địa điểm lấy mẫu : Hộ dân 348 - Cầu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,14	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,71 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	24,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	6,87 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	89,15 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	13,14 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 638/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00638.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 14/03/2018
Ngày trả kết quả : 28/03/2018
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,29	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,65 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	26,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	6,58 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	126,00 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	16,86 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 00742/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00742.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 23/03/2018
Ngày trả kết quả : 06/04/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,60	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,48 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	16,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	2,96 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	182,41 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	19,56 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 007H3/K&XN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00743.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 23/03/2018
Ngày trả kết quả : 06/04/2018
Địa điểm lấy mẫu : Hộ 68 Ấp Câu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,72	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,53 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	17,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,79 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	183,80 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	19,46 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 00744 / K&X/N



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00744.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 23/03/2018
Ngày trả kết quả : 06/04/2018
Địa điểm lấy mẫu : 348 Xã Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,66	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,39 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	14,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	2,59 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	169,90 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	16,41 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Trần Minh Hòa

Số: 00767/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00767.18

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phân Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 30/03/2018
Ngày trả kết quả : 13/04/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	8,23	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,45 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	34,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,61 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	184,44 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	13,16 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

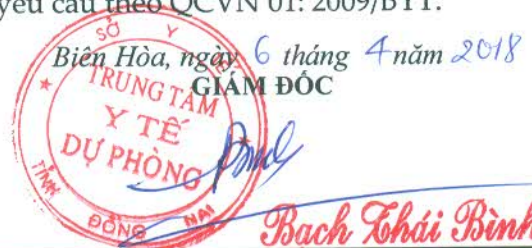
Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

Phạm Minh Tiến



Số: 00768/KCN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00768.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 30/03/2018
Ngày trả kết quả : 13/04/2018
Địa điểm lấy mẫu : Hộ 68 ấp Câu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	8,29	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,38 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	40,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,62 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	178,65 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	12,27 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

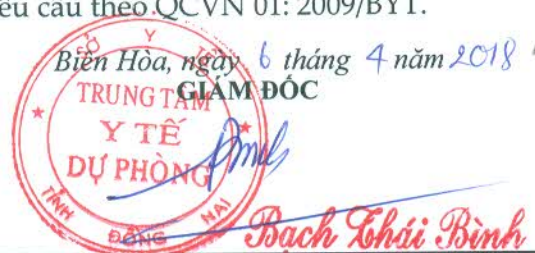
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 00769/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00769.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 30/03/2018
Ngày trả kết quả : 13/04/2018
Địa điểm lấy mẫu : 348 xã Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	8,16	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện.	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,43 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	35,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện.	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,27 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	184,27 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	15,35 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

